

QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG

tại Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Kiên Giang

● TS. ĐỖ VĂN NINH - ThS. THÁI NINH - ThS. LÊ VĂN NGHIÊM
Trường Đại học Nha Trang

1. Đặt vấn đề

Quản trị rủi ro tín dụng hiệu quả sẽ làm tăng khả năng cạnh tranh của ngân hàng thương mại trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập ngày nay và đóng góp tích cực vào sự vận hành của nền kinh tế thông qua sự tác động của cung - cầu tiền tệ dẫn đến làm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kiềm chế lạm phát... giúp cho Ngân hàng Nhà nước thực hiện tốt vai trò quản lý trong nền kinh tế thị trường, với tôn chỉ đưa ra là hiệu quả, chất lượng và bền vững.

2. Thực trạng rủi ro tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội Chi nhánh Kiên Giang (MB)

2.1. Dư nợ tín dụng theo loại hình doanh nghiệp

Theo số liệu tổng hợp, năm 2012 dư nợ của ngân hàng đạt 788 tỷ tăng 12,2% so với 2011 tuy nhiên tốc độ tăng chậm so với 2011 là 23,8%, trong đó tăng dư nợ chủ yếu là khách hàng CIB tăng 17% và SME tăng 18,6%, do trong năm MB Kiên Giang thường xuyên có các gói hỗ trợ lãi

suất ưu đãi cho các doanh nghiệp xuất khẩu những ngành là thế mạnh của tỉnh Kiên Giang như gạo, thủy sản... tuy nhiên dư nợ khách hàng cá nhân lại giảm đến 10% so với 2011, bù lại cho việc tăng đến 148% trong năm 2011 so với 2010.

2.2. Dư nợ tín dụng theo mục đích vay vốn

Từ năm 2010 đến năm 2012, cho vay theo các chương trình của Chính phủ luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất đến 65% như cho vay các chương trình tạm trữ lúa gạo, kể đến là cho vay sản xuất chiếm 13% tổng dư... Ngoài ra, Chi nhánh cho vay các ngành công nghiệp về chế biến lương thực thực phẩm, tỷ trọng của ngành nghề cũng chiếm 10% tổng dư nợ chi nhánh. Bên cạnh đó, MB Kiên Giang cho vay kinh doanh các mặt hàng đã được sản xuất như trên theo hình thức tài trợ thương mại theo chuỗi, cho vay tiêu dùng cán bộ công nhân viên, cho vay mua nhà dư nợ cũng chiếm 12%.

2.3. Nợ quá hạn

Trong ba năm từ 2010 đến 2012 nợ quá hạn đều gia tăng từ

1.24% lên 2.91%, tuy nhiên tỷ lệ này vẫn ở mức chấp nhận vì nợ khác mới chuyển sang nhóm hai và trong thời gian còn xử lý được.

Về cơ cấu nợ quá hạn chiếm tỷ trọng lớn là nợ ngắn hạn với trên 50%. Mặt khác trong năm 2012, trong cơ cấu nợ quá hạn có sự xuất hiện của các khoản vay quá hạn chủ yếu từ bảo lãnh và chiếm đến 34%, đây là thách thức cho đơn vị trong việc giảm nợ quá hạn theo kế hoạch.

2.4. Nợ xấu

Năm 2011 nợ xấu tăng rất cao đến trên 200% tuy nhiên qua năm 2012 đã giảm đi đáng kể, nguyên nhân là do trích lập dự phòng, dư nợ tăng...

Nợ xấu hiện nay của MB Kiên Giang là hệ quả của việc các ngân hàng đã có một thời gian dài chạy theo lợi nhuận bằng việc duy trì chính sách tăng trưởng tín dụng cao (luôn tăng trên 25%/năm) qua nhiều năm. Bên cạnh đó, công tác quản lý tín dụng của các ngân hàng cũng còn nhiều bất cập, đặc biệt là trong khâu giám sát và quản lý vốn vay. Một số cá nhân, doanh

nghiệp sử dụng vốn vay không đúng mục đích, đầu tư vào những lĩnh vực rủi ro cao, dẫn đến thua lỗ và mất khả năng chi trả.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân thuộc về khách hàng vay: Chủ doanh nghiệp thiếu kinh nghiệm, năng lực quản lý yếu kém. Khách hàng thiếu thiện chí trong việc đảm bảo nghĩa vụ đối với ngân hàng. Hoạt động kinh doanh của khách hàng kém hiệu quả do khó khăn chung từ nền kinh tế có thể gây mất vốn của ngân hàng.

3.2. Nguyên nhân thuộc về năng lực quản trị ngân hàng: Chưa xây dựng được hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ hoàn chỉnh, còn mang nhiều tính định tính. Định giá tài sản đảm bảo chưa chuẩn. Công tác kiểm toán lỏng lẻo. Chưa có hoặc chưa phát huy tốt vai trò cảnh báo sớm; Năng lực đánh giá dòng tiền còn hạn chế; Chưa xây dựng được kênh thông tin tốt, chủ yếu trông chờ vào CIC.

4. Giải pháp

4.1. Đối với khía cạnh con người:

- Định kỳ thực hiện đánh giá kiểm soát tình hình nhân sự toàn Chi nhánh.

- Thực hiện đào tạo và tham gia đào tạo đầy đủ có hiệu quả, tham dự các buổi hội thảo về phòng chống rủi ro, lừa đảo trong kinh doanh do Hội sở và địa phương tổ chức.

- Tuyệt đối tuân thủ nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, quy định của pháp luật và của MB.

4.2. Đối với khía cạnh quy trình:

- Tuân thủ tuyệt đối các quy trình, chính sách do Hội sở ban hành, phát hiện và báo cáo kịp thời những lộ hỏng, thiếu sót, tiềm ẩn rủi ro trong hệ thống quy trình, quy định hiện hành nhằm đảm bảo kiểm soát tối đa các rủi ro có thể phát sinh.

- Thường tổ chức đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm, giáo dục tư tưởng đạo đức hoặc đưa ra các cảnh báo.

- Chi nhánh tuân thủ các chỉ đạo hoạt động kinh doanh theo đúng chỉ đạo hoạt động tín dụng và các văn bản có liên quan.

4.3. *Khía cạnh yếu tố bên ngoài:*

- Tuân thủ các quy định, quy trình nhận diện, tìm hiểu khách hàng đối tác và cẩn trọng trong việc kiểm tra hồ sơ, sổ sách, chứng từ do khách hàng cung cấp phòng ngừa những gian lận từ bên ngoài.

- Thường xuyên kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh của khách hàng như: cơ sở vật chất, mục đích sử dụng vốn vay...

4.4. *Khía cạnh về quản lý:*

- Lãnh đạo Chi nhánh phải thường xuyên chỉ đạo tổ chức tiến hành kiểm tra thực tế, nắm vững khách hàng về thực trạng tài chính, năng lực kinh doanh, tài sản đảm bảo; hạn chế thấp nhất phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn.

- Tăng cường trách nhiệm quản lý và giám sát chặt chẽ mục đích sử dụng vốn của khách hàng, đặc biệt không để khách hàng lợi dụng chính sách ưu đãi lãi suất đối với các lĩnh vực ưu tiên của Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện cho vay bốn lĩnh vực ưu tiên theo thông tư 14 để sử dụng vốn

sai mục đích: đảo nợ, cho vay lại, đầu tư bất động sản, kinh doanh chứng khoán...

- Nâng cao chất lượng thẩm định, tránh hiện tượng sơ sài qua loa, thẩm định cho có, không đi tới nơi khách hàng mà chỉ thẩm định trên hồ sơ khách hàng cung cấp.

- Thực hiện phát triển tín dụng đồng đều theo định hướng của từng khối kinh doanh, không tập trung dư nợ phát triển khách hàng doanh nghiệp để bù đắp cho kế hoạch phát triển dư nợ khách hàng cá nhân.

- Tuân thủ cạnh tranh nội bộ trong việc phát triển sản phẩm dịch vụ đến với khách hàng.

- Bám sát thị trường, thường xuyên trao đổi thông tin và cập nhật các chỉ đạo của Hội sở (bằng văn bản hoặc qua mail nội bộ) ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nguyễn Đăng Dờn, Quản Trị Ngân hàng thương mại hiện đại, NXB Phương Đông, 2012.
2. Bộ Tài Chính, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, NXB Tài chính, 2010.
3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Nâng cao năng lực Quản trị rủi ro, NXB Phương Đông, 2005.
4. Hồ Diệu (Chủ biên) (2001), Tín dụng ngân hàng, NXB Thống kê.
5. TS. Hồ Diệu (2002), Quản trị ngân hàng, NXB Thống kê.
6. PGS. TS. Đoàn Thị Hồng Vân (2002), Quản trị rủi ro và khủng hoảng, NXB Thống kê.
7. Nguyễn Quang Thu (chủ biên) (1998), Quản trị rủi ro, NXB Giáo dục.
8. TS. Nguyễn Văn Tiến (2005), Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng, Nhà xuất bản Thống kê.